

Phụ lục I
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 1814/SGDDĐT-GDTrH ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Sở GDĐT)

TRƯỜNG: THPT QUẾ SƠN
TỔ: LỊCH SỬ- ĐỊA - KINH TẾ & PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN LỊCH SỬ, KHỐI LỚP 10
(Năm học 2023. - 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 07; Số học sinh: 291; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 85

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 05; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 00 Đại học: 05; Trên đại học:00

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên¹: Tốt:01; Khá: 04; Đạt:00; Chưa đạt:00

1.3. Thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)*

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Lược đồ các quốc gia cổ DNA và phong kiến	05		
2	Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Đông và Phương Tây	04	Một số nền văn minh phương Tây	
3	Lược đồ các di sản văn hoá ở Việt Nam	05		

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

4	Phim tài liệu :Một số hiện vật tiêu biểu của văn minh sông Hồng	01	Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam	
5	Phim tài liệu:Một số thành tựu văn minh phương đông	01		

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

2. Kế hoạch dạy học²

2.1. Phân phối chương trình

a. Lớp không chuyên đề lựa chọn:

+ Cả năm 52 tiết

+Kỳ I: 18 tuần x 1 = 18 tiết

+Kỳ II:17 tuần x 2 = 34 tiết

b. Lớp có chuyên đề lựa chọn:

+ Cả năm 87 tiết

+Kỳ I: 18 tuần x 1 = 18 tiết

+Kỳ II:17 tuần x 2 = 34 tiết

+ 35 tiết chuyên đề trong cả năm học

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
-----	----------------	----------------	------------------------

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

1	Bài 1: Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức	(02) 1,2	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm lịch sử. – Phân biệt được lịch sử hiện thực và lịch sử được con người nhận thức. – Giải thích được khái niệm sử học – Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học thông qua ví dụ cụ thể. – Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học qua ví dụ cụ thể.
2	Bài 2: Tri thức lịch sử và cuộc sống	(01) 3	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời. – Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). <p>Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.</p>
3	Bài 4: Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại	(02) 4,5	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên. – Có ý thức vận động các bạn và mọi người xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên ở địa phương. – Nêu được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch. – Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.
4	Bài 5: Khái niệm văn minh	(03) 6,7,8	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm văn minh. – Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.

	- Một số nền văn minh phương Đông		<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông. – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc... – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa: chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo,... – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ: chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo,...
5	Kiểm tra giữa kỳ	(01) 9	.- Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của nội dung đã học.
6	Bài 6: Một số nền văn minh phương Tây	(02) 10,11	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời kì cổ – trung đại. – Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của những thành tựu văn minh Hy Lạp – La Mã: chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao,... – Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của những thành tựu văn minh thời Phục hưng: tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật, thiên văn học,...
7	Thực hành lịch sử	(02) 12,13	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập

			- Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy
8	Bài 7 : Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại	(03) 14,15,16	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất: phát minh và sử dụng máy hơi nước, động cơ đốt trong để cơ giới hoá sản xuất, phát triển giao thông vận tải,... - Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai: sử dụng điện năng, động cơ điện gắn với quá trình điện khí hoá, sản xuất dây chuyền, sự phát triển của các ngành công nghiệp hoá chất, dầu mỏ, thép, điện lực, in ấn,... - Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với sự phát triển kinh tế (tăng năng suất lao động, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá,...). - Nêu được tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với xã hội, văn hoá: sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp, quá trình đô thị hoá; những thay đổi về lối sống, văn hoá...
9	Ôn tập KTCK I	(01) 17	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập toàn bộ kiến thức các chủ đề đã học trong kỳ I. - Rèn kỹ năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao trong quá trình học tập thông qua các câu hỏi trắc nghiệm. Đồng thời rèn kỹ năng viết cho HS thông qua bài kiểm tra tự luận -Ma trận đề kiểm tra.
10	KTHKI	(01)	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của nội dung đã học.

		18	
11	Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại	(03) 19,20,21	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba: tự động hoá dựa vào máy tính, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, Internet,... – Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: sự phát triển kĩ thuật số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và sự phát triển của các công nghệ liên ngành, đa ngành,... – Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế của thế giới thông qua ví dụ cụ thể. - Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử.
12	Thực hành lịch sử	(01) 22	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy
13	Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á	(03) 23,24,25	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. – Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á

			<p>- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á: tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc,...</p> <p>Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.</p>
14	Thực hành lịch sử	(01) 26	<p>- Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử</p> <p>- Tạo hứng thú trong học tập</p> <p>- Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy</p>
15	Bài 11: Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam	(06) 27,28,29,30,31,32	<p>Văn minh Văn Lang - Âu Lạc</p> <p>– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh sông Hồng.</p> <p>– Nêu được cơ sở hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc</p> <p>– Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,...</p> <p>– Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa.</p> <p>– Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,...</p> <p>- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam.</p> <p>- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù</p>

			<p>Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.</p> <p>- Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.</p>
16	Thực hành lịch sử	(02) 33,34	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy
17	KTGKII	(01) 35	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của nội dung đã học.
18	Bài 12: Văn minh Đại Việt	(06) 36,37,38,39,40,41	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. - Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt: kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ. - Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt. - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt. - Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật,...

			<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. - Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.
19	Thực hành lịch sử	(02) 42,43	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy
20	Bài 13: Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam	(03) 44,45,46	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. – Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
21	Bài 14: Khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam	(03) 47,48,49	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam – Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. – Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

			<p>Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”.</p> <p>– Phân tích được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh...</p> <p>Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.</p>
22	Thực hành lịch sử	(01) 50	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy
23	Ôn tập KTCK II	(01) 51	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học. - Rèn kỹ năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao trong quá trình học tập thông qua các câu hỏi trắc nghiệm. Đồng thời rèn kỹ năng viết cho HS thông qua bài kiểm tra tự luận -Ma trận đề kiểm tra.
24	KTHKII	(01) 52	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của nội dung đã học.

2.2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
-----	------------------	----------------	------------------------

1	Các lĩnh vực của sử học	10	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được khái niệm thông sử. - Nêu được nội dung chính của thông sử. - Nêu được khái niệm và nội dung chính của Lịch sử dân tộc. - Nêu được khái niệm và nội dung chính của Lịch sử thế giới - Giải thích được đối tượng của lịch sử xã hội. - Giải thích được đối tượng của lịch sử kinh tế. - Tóm tắt được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam trên đường thời gian.
2	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam	15	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được khái niệm di sản văn hoá. - Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau. - Chỉ ra được một số cách phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. - Phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. - Giải thích được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá. - Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: bảo tồn phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững để bảo tồn không trở thành gánh nặng và rào cản của phát triển. - Phân tích được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá

		<p>trong quá trình phát triển bền vững của đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,...- Giải thích được vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.- Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua ví dụ cụ thể.- Có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá ở địa phương và đất nước.- Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ.- Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu.- Xác định được vị trí phân bố các di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ.- Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu.- Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ.
--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu. - Xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số các di sản phức hợp tiêu biểu.
3	Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử	10	<ul style="list-style-type: none"> - Suu tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. - Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. - Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Phân tích được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 - 1976. - Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ

			<p>nghĩa Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. - Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc. - Phân tích được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước - Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,... - Phân tích được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946- Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.
--	--	--	--

- (1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.
- (2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.
- (3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được khái niệm lịch sử.- Phân biệt được lịch sử hiện thực và lịch sử được con người nhận thức.- Giải thích được khái niệm sử học- Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học thông qua ví dụ cụ thể.- Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học qua ví dụ cụ thể.- Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản).- Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.- Nêu được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch.- Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.- Giải thích được khái niệm văn minh.	Kiểm tra viết: Trắc nghiệm kết hợp với tự luận

			<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá. – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc... – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa: chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo,... – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ: chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo,... 	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	- Theo hướng dẫn của Sở GD-ĐT tỉnh Quảng Nam.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba: tự động hoá dựa vào máy tính, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, Internet,... – Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: sự phát triển kĩ thuật số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và sự phát triển của các công 	Kiểm tra viết: Trắc nghiệm kết hợp với tự luận

			<p>nghệ liên ngành, đa ngành,...</p> <ul style="list-style-type: none">- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế của thế giới thông qua ví dụ cụ thể.- Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử.- Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á: tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc,...- Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.- Nêu được cơ sở hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,...	
--	--	--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,... - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc. 	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	- Theo hướng dẫn của Sở GD-ĐT tỉnh Quảng Nam.	

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

- (3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).
 (4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.
- 3. Các nội dung khác (nếu có):**

.....

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN LỊCH SỬ, KHỐI LỚP 11

(Năm học 2023. - 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 08; Số học sinh: 299; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 119

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 05; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 00 Đại học: 05; Trên đại học:00

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ³: Tốt:01; Khá: 04; Đạt:00; Chưa đạt:00

1.3. Thiết bị dạy học: Đang chờ cấp

ST T	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Lược đồ các di sản văn hoá ở Việt Nam	04		
2	Phim tài liệu :Một số hiện vật tiêu biểu của văn minh sông Hồng	01		
3				
4				
5				

³ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

6			
7			
8			

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập:

II. Kế hoạch dạy học:

1Phân phối chương trình

a. Lớp không chuyên đề lựa chọn:

+ Cả năm 52 tiết

+Kỳ I: 17 tuần x 2 (tuần 18 -1 tiết)= 35 tiết

+Kỳ II:17 tuần x 1 = 17 tiết

b. Lớp có chuyên đề lựa chọn:

+ Cả năm 87 tiết

+Kỳ I: 12 tuần x 2 (tuần 18 – 1 tiết) = 35 tiết

+Kỳ II:17 tuần x 1 = 17 tiết

+ 35 tiết chuyên đề trong cả năm học

1.1. Phân phối chương trình HKI:

HỌC KỲ I

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	Bài 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	3 (1,2,3)	- Trình bày được tiền đề của cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng. - Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cuộc CMTS

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			- Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc CMTS.
	Bài 2: Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.	3 (4,5,6)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự xác lập của CNTB ở châu Âu và Bắc Mỹ. - Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của CNTB. - Trình bày được sự phát triển của CNTB từ tự do sang cạnh tranh độc quyền. - Nêu được khái niệm CNTB hiện đại - Nêu được tiềm năng và thách thức của CNTB hiện đại. - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của CNTB. Vận dụng những hiểu biết về lịch sử CNTB để giải thích những vấn đề thời sự của XH tư bản hiện nay.
	Thực hành chủ đề 1	1 (7)	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy, lập bảng và thi hùng biện nội dung đã học trong chủ đề 1
	Bài 3: Sự hình thành Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.	1 (8)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quá trình hình thành Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Phân tích được ý nghĩa sự ra đời Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
	Bài 4: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau	2	- Trình bày được sự phát triển của CNXH ở các nước Đông Âu sau CTTG II

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	(9,10)	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự mở rộng của CNXH ở khu vực châu Á và Mỹ-latinh. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ mô hình CNXH ở Đông Âu và Liên Xô - Nêu được nét chính về CNXH từ năm 1991 đến nay. - Nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách, mở cửa của TQ - Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của CNXH, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng CNXH ở VN.
	Thực hành chủ đề 2	1 (11)	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy, Từ đó, rút ra trách nhiệm của bản thân trong công cuộc XD và bảo vệ đất nước VN theo con đường XHCN hiện nay
	Bài 5: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.	2 (12,13)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á lục địa và hải đảo. - Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm. - Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
	Bài 6: Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.	2 (14,15)	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được những nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân ở một số nước Đông Nam Á lục địa và hải đảo.

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở ĐNA. - Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với thuộc địa, liên hệ Việt Nam. - Tóm tắt những nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân XL ở một số nước ĐNA hải đảo (Indonesia, Philippines) và ĐNA lục địa (Myanmar; ba nước Đông Dương) - Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở ĐNA - Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở VN. - Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở ĐNA - Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập dân tộc và phát triển các dân tộc ở ĐNA hiện nay.
	Thực hành chủ đề 3	1 (16)	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Sưu tầm tư liệu về quá trình giành độc lập DT ở ĐNA và thi hùng biện giữa các đội
	Ôn tập	1 (17)	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nắm vững kiến thức được học trong chương trình từ bài 1 đến bài 6

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			<ul style="list-style-type: none"> - Rèn kỹ năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao trong quá trình học tập thông qua các câu hỏi trắc nghiệm. Đồng thời rèn kỹ năng viết cho HS thông qua bài kiểm tra tự luận
	Kiểm tra giữa HKI	1 (18)	Nhu mục 4
	Bài 7: Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	3 (19,20,21)	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vị trí địa chiến lược của VN. - Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử VN. - Biết trân trọng truyền thống DT bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ VN trong LS, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu LS để tìm hiểu về các cuộc KC thắng lợi tiêu biểu của DTVN - Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của DTVN về thời gian, địa điểm, đối tượng XL, những trận đánh lớn, kết quả - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc KC chống XL - Trình bày được nội dung chính của các cuộc KC không thành công về thời gian, địa điểm, đối tượng XL, những trận đánh lớn, kết quả - Giải thích được nguyên nhân không thành công của một số cuộc KC trong LS

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học LS cơ bản từ LS chống ngoại xâm của DTVN, nhận thức được giá trị của các bài học LS đối với sự nghiệp XD và bảo vệ Tổ quốc hiện nay - Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống ĐT, bảo vệ, XD đất nước và sẵn sàng tham gia đóng góp XD, bảo vệ Tổ quốc.
	<p>Bài 8: Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử VN (từ TK III TCN đến cuối TK XIX).</p>	<p>3 (22,23, 24)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời kì Bắc thuộc - Nêu được ý nghĩa của một số cuộc KN tiêu biểu - Nêu được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn. - Biết được cách sưu tầm và sử dụng tư liệu LS về PT Tây Sơn - Trình bày được bối cảnh LS và những diễn biến chính của PT Tây Sơn - Nêu được ý nghĩa của PT Tây Sơn - Rút ra được những bài học LS chính của các cuộc KN và CT giải phóng trong LSVN về quá trình vận động, tập hợp QCND tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết DT, nghệ thuật quân sự - Nêu được các bài học LS đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Tự hào về truyền thống ĐT bất khuất của DTVN trong LS, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp XD và bảo vệ Tổ quốc
	<p>Thực hành chủ đề 4</p>	<p>2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
		(25,26)	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo hứng thú trong học tập - Tổ chức “Sân khấu hóa” về các cuộc KN chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và các cuộc KN, CTGPDT đã học trong LSVN
	Bài 9: Cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.	3 (27,28, 29)	Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ
	Bài 10: Cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)	3 (30,31, 32)	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Bài 11: Cải cách của Minh Mạng (nửa đầu TK XIX)	1 (33)	Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng. - Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.
2	Ôn tập	1 34	- Yêu cầu HS nắm vững kiến thức được học trong chương trình từ bài 1 đến bài 11 - Rèn kỹ năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao trong quá trình học tập thông qua các câu hỏi trắc nghiệm. Đồng thời rèn kỹ năng viết cho HS thông qua bài kiểm tra tự luận
3	Kiểm tra cuối HKI	1 35	Như mục 4
	Bài 11: Cải cách của Minh Mạng (nửa đầu TK XIX)	2 (36,37)	Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng. - Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.
4	Thực hành chủ đề 5	3 (38,39, 40)	- Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Cho HS đóng vai Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng. Qua đó khắc sâu ý nghĩa của những cuộc cải cách
5	Bài 12: Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông.	1 (41)	- Xác định được vị trí của biển Đông trên bản đồ.

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao lưu biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển. - Xác định được vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông. - Yêu cầu HS nắm vững kiến thức được học trong chương trình từ bài 9 đến bài 11 - Rèn kỹ năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao trong quá trình học tập thông qua các câu hỏi trắc nghiệm. Đồng thời rèn kỹ năng viết cho HS thông qua bài kiểm tra tự luận
6	Ôn tập	1 (42)	<p>Yêu cầu HS nắm vững kiến thức được học trong chương trình từ bài 11 đến bài 12</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn kỹ năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao trong quá trình học tập thông qua các câu hỏi trắc nghiệm. Đồng thời rèn kỹ năng viết cho HS thông qua bài kiểm tra tự luận
7	Kiểm tra giữa HKII	1 (43)	
8	Bài 12: Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông.	2 (44,45)	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí của biển Đông trên bản đồ. - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao lưu biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển. - Xác định được vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ.

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.
9	Bài 13: Việt Nam và Biển Đông.	3 (46,47,48)	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với VN về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - Nêu được VN là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử. - Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của VN ở Biển Đông. - Nêu được chủ trương của VN giải quyết các tranh chấp ở biển Đông bằng biện pháp hòa bình. - Trân trọng các thành quả ĐT bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của VN ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước VN.
10	Thực hành chủ đề 6	2 (49,50)	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Thiết kế tranh cổ động tuyên truyền về Biển Đảo - Ngoại khóa chủ quyền biển đảo.

ST T	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
11	Ôn tập	1 (51)	- Yêu cầu HS nắm vững kiến thức được học trong chương trình từ bài 11 đến bài 13 - Rèn kỹ năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao trong quá trình học tập thông qua các câu hỏi trắc nghiệm. Đồng thời rèn kỹ năng viết cho HS thông qua bài kiểm tra tự luận
12	Kiểm tra cuối HKII	1 (52)	Như mục 4

3. Chuyên đề lựa chọn (Cả năm 35 tuần = 35 tiết)

ST T	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	15 (Tuần 1-15)	- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu...(2) - Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu...(2) - Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu...(2)

ST T	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được những thành tựu chính thời Mạc. Nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc (2) - Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu... (2) - Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng (1) - Mô tả được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu...(3) - Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn (1)
2	Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX	10 (Tuần 16-26)	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc CTTG (1) - Đánh giá được những hậu quả và tác động của hai cuộc CTTG (1) - Phân tích được khát vọng hòa bình và cuộc ĐT vì hòa bình của nhân dân TG thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hòa bình của Lenin năm 1917, chính sách ngoại giao hòa bình của LX; những nỗ lực XD hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; PT Mặt trận nhân dân chống PX và nguy cơ CT. Nêu được ý nghĩa của PT KC chống PX vì hòa bình của nhân dân TG trong cuộc CTTG thứ hai. Phân tích được ý nghĩa của cuộc CT vệ quốc vĩ đại của nhân dân LX (3) - Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của CT lạnh (1)

ST T	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được nhưng hậu quả của cuộc CT lạnh đối với TG nói chung và VN nói riêng (2) - Phân tích được nguyên nhân kết thúc CT lạnh và tác động đối với TG nói chung và VN nói riêng (2) - Giải thích được vì sao sau CT lạnh, các cuộc CT, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện 11/9/2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, CT Iraq, Afhanistan, các cuộc CT ở khu vực Trung Đông - Suu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc ĐT vì hòa bình của nhân dân TG trong CT lạnh: Đại hội hòa bình TG ngày 26/4/1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng hòa bình TG và các hoạt động chính - Nêu được nét chính về PT quốc tế ủng hộ cuộc ĐTGPDĐT, ủng hộ cuộc KC chống Mỹ, cứu nước của nhân dân VN thông qua ví dụ cụ thể - Giải thích được vì sao cuộc ĐT vì hòa bình của nhân dân TG vẫn tiếp diễn sau khi CT lạnh kết thúc - Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc ĐT vì hòa bình của nhân dân TG
3	Danh nhân trong lịch sử Việt Nam	10 (Tuần 27-35)	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được khái niệm danh nhân. Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong LSĐT (1) - Biết cách suu tầm và sử dụng tư liệu LS để hiểu được thân thế, sự nghiệp một số nhà chính trị nổi tiếng trong LSVN thời cổ - trung đại. Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong LSVN thời

ST T	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			<p>cổ - trung đại. Có ý thức trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong LSĐT (2)</p> <p>- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu LS để hiểu được thân thế, sự nghiệp một số danh nhân quân sự trong LSVN. Đánh giá được vai trò của danh nhân quân sự trong LSVN. Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong LSĐT (2)</p> <p>- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu LS để hiểu về một số danh nhân văn hóa trong LSVN. Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của danh nhân văn hóa trong LSVN thông qua ví dụ cụ thể. Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hóa trong LSĐT (2)</p> <p>- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để hiểu về một số danh nhân trong LSVN về lĩnh vực KH-công nghệ và GD-ĐT. Nêu được nhận xét về đóng góp của danh nhân KH-công nghệ và GD-ĐT trong LSĐT (3)</p>

4. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài KT, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kì 1	45 phút	Tuần 9	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Nhận biết: Học sinh nhận biết được những nội dung cơ bản của chương trình lịch sử 11 từ bài 1 đến hết bài 6.</p>	Viết trên giấy TN và tự luận

Bài KT, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
			<p>- Thông hiểu: Hiểu được các nội dung chủ yếu về CMTS và sự phát triển của CNTB; CNXH từ năm 1917 đến nay và quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia ĐNA</p> <p>- Vận dụng: Bước đầu nhận xét, đánh giá được các nội dung chủ yếu của lịch sử từ bài 1 đến bài 6. Biết vận dụng những kiến thức đã học để bước đầu phân tích và đánh giá những vấn đề của thực tiễn</p> <p>2. Năng lực: - Tư duy, phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử.</p> <p>- Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng trình bày vấn đề, viết bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện.</p> <p>3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức độc lập suy nghĩ, tự giác, trung thực làm bài không dựa dẫm vào người khác.</p>	
Cuối học kì 1	45 phút	Tuần 18	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Nhận biết: Học sinh nhận biết được những nội dung cơ bản của lịch sử giới trong chương trình lịch sử 11 từ thế bài 1 đến hết bài 10</p> <p>- Thông hiểu:</p> <p>+ Hiểu được các nội dung chủ yếu về CMTS và sự phát triển của CNTB; CNXH từ năm 1917 đến nay; quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia ĐNA; CT bảo vệ Tổ quốc và CTGPDT trong LSVN (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)</p>	Viết trên giấy TN và tự luận

Bài KT, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
			<p>+ Hiểu được ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ, Lê thánh Tông.</p> <p>- Vận dụng: Bước đầu nhận xét, đánh giá được các nội dung chủ yếu của lịch sử từ bài 1 đến bài 10. Biết vận dụng những kiến thức đã học để bước đầu phân tích và đánh giá những vấn đề của thực tiễn</p> <p>2. Năng lực: Tư duy, phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử. Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng trình bày vấn đề, viết bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện.</p> <p>3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức độc lập suy nghĩ, tự giác, trung thực làm bài không dựa dẫm vào người khác.</p>	
Giữa Học kì 2	45 phút	Tuần 25	<p>1. Kiến thức</p> <p>- Nhận biết: Học sinh nhận biết được những nội dung cơ bản của lịch sử trong chương trình lịch sử 11 từ thế bài 11 đến hết bài 12</p> <p>- Thông hiểu: Hiểu được một số cuộc cải cách lớn trong LSVN (trước năm 1858)</p> <p>- Vận dụng: Bước đầu nhận xét, đánh giá được các nội dung chủ yếu của lịch sử từ bài 9 đến bài 11. Biết vận dụng những kiến thức đã học để bước đầu phân tích và đánh giá những vấn đề của thực tiễn của VN và TG</p> <p>2. Năng lực: Tư duy, phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử. Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng trình bày vấn đề, viết bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện.</p>	Viết trên giấy TN và tự luận

Bài KT, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
			3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức độc lập suy nghĩ, tự giác, trung thực làm bài không dựa dẫm vào người khác.	
Cuối học kì 2	45 phút	Tuần 35	<p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Học sinh nhận biết được những nội dung cơ bản của lịch sử trong chương trình lịch sử 11 từ thế bài 11 đến hết bài 13 - Thông hiểu: Hiểu được thành tựu một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam và cộng đồng các dân tộc Việt Nam; LS bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của VN . Biết vận dụng những kiến thức đã học để bước đầu phân tích và đánh giá những vấn đề của thực tiễn của VN và TG <p>2. Năng lực: Tư duy, phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử. Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng trình bày vấn đề, viết bài, kĩ năng vận dụng kiến thức để phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện.</p> <p>3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức độc lập suy nghĩ, tự giác, trung thực khi làm bài</p>	Viết trên giấy TN và tự luận

III. Các nội dung khác (nếu có):

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỊCH SỬ, LỚP 12

(Năm học 2023 - 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 7; Số học sinh: 252; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 5; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 Đại học: 5; Trên đại học:0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ⁴: Tốt:01; Khá 04; Đạt:Không; Chưa đạt:Không

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Lược đồ Liên Xô sau cttg thứ hai.	3		
2	Lược đồ k/v ĐB Á sau chiến tranh thế giới thứ hai	3		
3	Lược đồ k/v ĐB Á sau chiến tranh thế giới thứ hai	3		
4	Lược đồ châu Phi và k/v Mĩlatinh sau cttg thứ hai	3		
5	-Bản đồ nước Mĩ và bản đồ thế giới.	3		
6	-Bản đồ châu Âu	3		

⁴ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

7	- Bản đồ nước Nhật sau cttg thứ hai	3		
8	-Bản đồ về các khu cn, hầm mỏ đồn điền trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.	3		
9	Lược đồ hành trình đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc	3		
10	-Bản đồ khởi nghĩa Yên Bái.	3		
11	-Lược đồ phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh	3		
12	-Lược đồ về phong trào dân chủ (1936 – 1939)	3		
13	- Bản đồ Việt Nam	3		
14	- Bản đồ Việt Nam -Lược đồ chiến dịch VB -Lược đồ chiến dịch BG	3		
15	-Lược đồ đông-xuân 1953-1954, Lược đồ	3		

	chiến dịch lịch sử Điện biên Phủ			
16	- Lược đồ phong trào "Đồng khởi " ở miền Nam và lược đồ các trận đánh của quân và dân miền Nam chiến đấu chống " chiến tranh đặc biệt " của đq Mĩ	3		
17	. Lược đồ nhân dân miền Nam chiến đấu chống "chiến tranh cục bộ" và "Việt nam hóa chiến tranh"	3		
18	-Lược đồ cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 75	3		
...				

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				

...				
-----	--	--	--	--

II. Kế hoạch dạy học⁵

1. Phân phối chương trình

+ Cả năm 52 tiết

+ Kỳ I: 17 tuần x 2 (tuần 18 – 1 tiết) = 35 tiết

+ Kỳ 2: 18 tuần x 1 = 18 tiết

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	TPPC T	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Chương I. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 1945-1949 BÀI 1. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ	1	1	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình được hoàn cảnh nội dung chủ yếu của Hội nghị I-an ta. - Trình bày được sự thành lập, mục đích, nguyên tắc và vai trò của tổ chức LHQ. - Phân tích đánh giá về vai trò tích cực và hạn chế của tổ chức LHQ từ khi ra đời cho đến nay, mối quan hệ giữa Việt Nam và LHQ. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành năng lực quan sát, giao tiếp, hợp tác, thảo luận nhóm giải quyết vấn đề <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trân trọng những đóng góp hỗ trợ của LHQ cho nền hòa bình an ninh thế giới nói chung và công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Việt

⁵ Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

	<p>GIỚI THỨ HAI 1945-1949 I. Hội nghị Ianta (2-1945) và những thỏa thuận của ba cường quốc. II. Sự thành lập Liên hợp quốc.</p>			<p>Nam nói riêng, tự hào với những đóng góp ngày càng tăng của Việt Nam cho sự phát triển của LHQ.</p>
--	---	--	--	--

2	<p>Chương II. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991). LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)</p> <p>Bài 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991). LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)</p> <p>I. Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70.</p> <p>1. Liên Xô.</p> <p>II. Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến năm 1991.</p> <p>3. Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu.</p>	1	2	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu những vấn đề cơ bản về công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở LX từ 1945 đến 1991, và khái quát những nét lớn về Liên Bang Nga từ năm 1991 đến nay. - Phân tích được nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu. - Phân tích, so sánh, đánh giá những thành tựu mà Liên Xô đạt được, vai trò của Liên Xô đối với các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới trong đó có Việt Nam. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành năng lực quan sát, giao tiếp, hợp tác, thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trân trọng những thành quả trong lao động sáng tạo của nhân dân Liên Xô trong xây dựng CNXH. - Trân trọng và biết ơn sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô cho đất nước Việt Nam, củng cố tình đoàn kết thủy chung giữa nhân dân Liên Xô (LB Nga) và nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. - Phê phán những sai lầm của một bộ phận lãnh đạo Đảng, chính phủ ở LX, từ đó rút kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.
---	---	---	---	--

	III. Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000.			
3	CHƯƠNG III. CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LA TINH (1945 – 2000)	1	3	1. Kiến thức: - Nêu được những biến đổi lớn lao ở khu vực Đông Bắc Á sau CTTG II. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của sự ra đời nước CHND Trung Hoa. - Trình bày được nội dung cải cách mở cửa của Trung Quốc và những thành tựu chủ yếu của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc,

	<p>Bài 3. CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á I. Nét chung của khu vực Đông Bắc Á. II. Trung Quốc. 1. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa. 3. Công cuộc cải cách – mở cửa (từ năm 1978)</p>			<p>- Phân tích, so sánh, đánh giá được ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, đặc biệt là Việt Nam. 2.Năng lực: - Hình thành năng lực quan sát, giao tiếp, hợp tác, thảo luận nhóm giải quyết vấn đề 3. Phẩm chất: - Tiếp thu học tập những kinh nghiệm từ công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc để góp phần xây dựng phát triển đất nước ta hiện nay.</p>
4	<p>Bài 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ I. Các nước Đông Nam Á 1. Sự thành lập các quốc gia độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai. a. Vài nét chung về quá trình giành độc lập. b. Lào (1945 - 1975) c. Campuchia (1945 - 1993)</p>	2	4,5	<p>1. Kiến thức: - Nêu được những nét lớn về quá trình giành độc lập dân tộc ở các quốc gia Đông Nam Á. - Trình bày quá trình phát triển của CM Lào từ 1945-1975 và CPC từ 1945-1991. - Lập bảng so sánh về chiến lược phát triển kinh tế của nhóm các nước thành lập tổ chức ASEAN- - Trình bày quá trình ra đời phát triển và thành tựu đạt được của t/c ASEAN. - Trình bày khái quát phong trào đấu tranh giành độc lập và thành tựu xây dựng đất nước ở Ấn Độ. - Phân tích, so sánh điểm giống và khác nhau trong tiến trình cách mạng ở Lào và Campuchia; đánh giá được mối quan hệ giữa cách mạng Lào, Campuchia và Việt Nam, vai trò của t/c ASEAN trong g/đ hiện nay. 2.Năng lực:</p>

5	<p>Bài 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ</p> <p>2. Quá trình xây dựng và phát triển của các nước Đông Nam Á.</p> <p>a. Nhóm năm nước sáng lập ASEAN</p> <p>3. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN</p> <p>II. ẤN ĐỘ</p> <p>1. Cuộc đấu tranh giành độc lập</p> <p>2. Công cuộc xây dựng đất nước</p>			<p>- Phát triển năng lực quan sát, giao tiếp, hợp tác, thảo luận nhóm, tự giải quyết vấn đề</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <p>- Bồi dưỡng t/t đoàn kết giữa nhân dân 3 nước Đông Dương nói riêng và các nước ASEAN nói chung. Ý thức, trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng cộng đồng ASEAN hiện nay.</p>
---	---	--	--	---

6	<p>Bài 5. CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LA TINH I. Các nước châu Phi 1. Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập II. Các nước Mĩ Latinh. 1. Vài nét về quá trình giành và bảo vệ độc lập.</p>	1	6	<p>1. Kiến thức: - Nêu được các sự kiện chủ yếu trong phong trào đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập của nhân dân các nước châu Phi và Mĩ latin sau chiến tranh thế giới thứ hai. - So sánh điểm giống và khác nhau phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và Mĩ Latinh. 2. Năng lực: - Phát triển năng lực quan sát, giao tiếp, hợp tác, thảo luận nhóm, tự giải quyết vấn đề 3. Phẩm chất: - Giáo dục tinh thần đoàn kết quốc tế, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của các nước châu Phi và Mĩ latin. - Cùng chia sẻ những khó khăn mà nhân dân châu Phi và Mĩ latin đang gặp phải.</p>
7	<p>Chương IV. Chủ đề TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 - 2000) 1. Sự phát triển kinh tế. 2. Sự phát triển KH – KT. 3. Chính sách đối ngoại. 4. Liên minh châu Âu (EU)</p>	3	7,8,9	<p>1. Kiến thức: - Trình bày được những nét chính về tình hình kinh tế - KH-KT, chính sách đối ngoại của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000). - Những nguyên nhân thúc đẩy kinh tế Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản phát triển. - Sự ra đời, quá trình phát triển của liên minh Châu Âu. 2. Năng lực: - Phát triển năng lực quan sát, giao tiếp, hợp tác, thảo luận nhóm, tự giải quyết vấn đề 3. Phẩm chất: - Trân trọng những thành tựu kinh tế, KH-KT mà Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu đạt được.; niềm tự hào dân tộc về cuộc kháng chiến kéo dài 21 năm của nhân dân ta trước một đế quốc hùng mạnh như Mỹ.</p>

				- Thấu hiểu những ảnh hưởng trong cuộc chiến tranh Việt Nam đối với nước Mỹ, và ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc bỏ qua khác biệt vượt qua bất đồng, tăng cường giao lưu hợp tác kinh tế văn hóa, giáo dục với Mĩ cũng như Nhật Bản và Tây Âu để phát triển đất nước trong g/đ hiện nay.
8	<p>Chương V. QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 – 2000) Bài 9. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH Mâu thuẫn Đông - Tây và sự khởi đầu của chiến tranh lạnh. III. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây và Chiến tranh lạnh chấm dứt. IV. Thế giới sau chiến tranh lạnh.</p>	1	10	<p>1. Kiến thức: - Nêu được những nét chính trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai. - Trình bày được nguyên nhân và hệ quả của chiến tranh lạnh. - Phân tích, nhận xét về xu thế phát triển của thế giới sau chiến tranh lạnh.</p> <p>2. Năng lực: - Hình thành năng lực quan sát, giao tiếp, hợp tác, thảo luận nhóm giải quyết vấn đề</p> <p>3. Phẩm chất: - Nhận thức được giá trị của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, ủng hộ ptdt vì hòa bình dân chủ và tiến bộ xã hội, tự hào về dân tộc ta đã góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh giành bốn mục tiêu lớn của thời đại qua các cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.</p>
9	<p>CHƯƠNG VI. CÁCH MẠNG</p>	1	11	<p>1. Kiến thức: - Nêu được nguồn gốc, đặc điểm và các g/đ phát triển của CM KHCN,</p>

	<p>KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA</p> <p>Bài 10. CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX</p> <p>I. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.</p> <p>1. Nguồn gốc và đặc điểm.</p> <p>3. Tác động của cách mạng KH – CN</p> <p>II. Xu thế toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó.</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa; hình thành khái niệm “ Toàn cầu hóa” - Phân tích, đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của cách mạng KH-KT và xu thế toàn cầu hóa. <p>2.Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành năng lực quan sát, giao tiếp, hợp tác, thảo luận nhóm giải quyết vấn đề <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng tinh thần đam mê, n/c sáng tạo KH-KT, ý thức trách nhiệm của công dân trong việc ứng phó với xu thế toàn cầu hóa hiện nay.
--	---	--	--	---

10	Bài 11. TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (Từ năm 1945 đến năm 2000) I Những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau năm 1945. II. Xu thế phát triển của thế giới sau chiến tranh lạnh.	1	12	1. Kiến thức: - Lập bảng niên biểu về các g/đ phát triển của lịch sử thế giới hiện đại từ 1945 đến 2000 - Trình bày được những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại từ 1945 đến 2000. - Phân tích được những sự kiện tiêu biểu. 2.Năng lực: - Hình thành năng lực quan sát, giao tiếp, hợp tác, thảo luận nhóm giải quyết vấn đề 3. Phẩm chất: - Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay
11	Ôn tập giữa kì 1	1	13	Ôn tập kiến thức cơ bản từ bài 1-11.
12	Kiểm tra giữa kì 1	1	14	Nắm được nội dung kiến thức từ bài 1-11
13	Chương I. VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930 Chủ đề : PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM	4	15 16 17 18	1. Kiến thức: -Nêu được những thay đổi của tình hình thế giới sau CTTG I , chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. - Trình bày được sự chuyển biến về kinh tế-xã hội , văn hóa giáo dục ...ở VN. - Phân tích vị trí, thái độ cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam từ sau CTTG I. - Tái hiện quá trình hoạt động cứu nước của NAQ qua lược đồ. Nhận xét khái quát về công lao của NAQ đ/v CMVN trong g/đ lịch sử này.

	<p>1919 ĐẾN NĂM 1930</p> <p>I. Những chuyển biến mới về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất.</p> <p>1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.</p> <p>2. Những chuyển biến mới về kinh tế và giai cấp xã hội ở Việt Nam.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Suu tầm tranh ảnh và tư liệu lịch sử để trình bày sự ra đời và hoạt động của 3 tổ chức cách mạng. So sánh sự giống và khác nhau giữa các tổ chức cách mạng đó. - Phân tích tính chất, vai trò lịch sử của các tổ chức, đảng phái chính trị, đặc biệt là Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập. Lý giải được nguyên nhân xuất hiện 3 t/c cộng sản đầu tiên. - Trình bày được nội dung của Hội nghị thành lập đảng. - Phân tích nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên và ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng. Lý giải được tại sao nói Cương lĩnh chính trị đầu tiên là cương lĩnh đúng đắn, sáng tạo. <p>2.Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng lòng yêu nước , ý thức phản kháng dân tộc trước sự xâm lược và thống trị của các nước đế quốc, lòng biết ơn đối với các thế hệ cha anh đi trước.
14	<p>II. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925.</p> <p>1. Hoạt động của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam.</p> <p>2.Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.</p>		

15	<p>III. Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cách mạng.</p> <p>1. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.</p> <p>3. Việt Nam Quốc dân đảng.</p>			
16	<p>IV. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.</p> <p>1. Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929.</p> <p>2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p>			
17	<p>Chương II. VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945</p> <p>Bài 14. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935.</p> <p>I. Việt Nam trong những năm 1929 - 1933.</p>	2	19 20	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nét cơ bản về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 - Lực lượng tham gia, hình thức, mục tiêu đấu tranh, quy mô phong trào. - Biết so sánh với các phong trào chống Pháp do giai cấp phong kiến, tư sản, phong trào đấu tranh do các tổ chức tiền thân của đảng lãnh đạo. - Trình bày được những cuộc đấu tranh tiêu biểu trong phong trào 1930-1931, hoạt động của Xô viết Nghệ- Tĩnh. - Phân tích được ý nghĩa, bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930-1931 và Xô viết Nghệ -Tĩnh.

<p>1. Tình hình kinh tế. 2. Tình hình xã hội. II. Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh. 1. Phong trào cách mạng 1930-1931.</p>			<p>- Phân tích và so sánh điểm giống và khác giữa Luận cương chính trị với Cương lĩnh chính trị đầu tiên. 2. Năng lực: - Phát triển năng lực tự chủ tự học, giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề - Phân tích ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930-1931 3. Phẩm chất: - Bồi dưỡng niềm tin và tự hào về sự lãnh đạo của Đảng, xác định nhiệm vụ của bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>
<p>Bài 14. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935. 2. Xô viết Nghệ - Tĩnh 3. Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10.1930) 4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 - 1931.</p>			

18	<p>Bài 15. PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939</p> <p>I. Tình hình thế giới và trong nước.</p> <p>1. Tình hình thế giới.</p> <p>2. Tình hình trong nước.</p> <p>II. Phong trào dân chủ 1936 - 1939</p> <p>1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 7.1936.</p> <p>2. Những phong trào đấu tranh tiêu biểu.</p> <p>a. Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ</p> <p>3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 - 1939</p>	1	21	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước dẫn đến phong trào dtđc 1936-1939. - Trình bày được nội dung, ý nghĩa của Hội nghị BCH T Ư tháng 7/1936. - Tường thuật những nét chính của ptem qua lược đồ, qua đó rút ra được mục tiêu, khẩu hiệu, hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kì này. - Những hình thức, phương pháp đấu tranh mới mẻ lần đầu tiên được Đảng tiến hành. - Phân tích ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1936-1939 - So sánh sự khác nhau về sách lược của Đảng trong thời kỳ này so với thời kì 1930-1931. <p>2.Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực tự chủ tự học, giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt, đường lối chủ trương đúng đắn của Đảng. Nâng cao nhiệt tình cách mạng, hăng hái tham gia phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng vì quyền lợi nhân dân.
----	---	---	----	---

19	<p>Bài 16. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 - 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI</p> <p>I. Tình hình Việt Nam trong những năm 1939 - 1945.</p> <p>1. Tình hình chính trị.</p> <p>2. Tình hình kinh tế, xã hội.</p> <p>II. Phong trào giải phóng dân tộc từ tháng 9 - 1939 đến tháng 3 - 1945</p> <p>1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 - 1939.</p>	3	22 23 24	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế và xã hội Việt Nam trong những năm 1939-1945. - Trình bày Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 năm 1939.và Hội nghị tháng 5/1941. Nhận xét về việc chuyển hướng chỉ đạo cách mạng của Đảng ta. - Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nét chính về diễn biến của Tổng khởi nghĩa tháng Tám-1945. - Trình bày được hoàn cảnh ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của CM tháng Tám 1945. <p>2.Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực tự chủ tự học, giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp và hợp tác... - Bồi dưỡng niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
----	--	---	----------------	--

20	<p>Bài 16. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 - 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI</p> <p>3. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5.1941)</p> <p>4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.</p> <p>III. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.</p> <p>1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3</p>			
----	---	--	--	--

	đến giữa tháng 8.1945)			
21	<p>Bài 16. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 - 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI</p> <p>III. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.</p> <p>2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa.</p> <p>3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.</p> <p>IV. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập (2.9.1945)</p>			

	<p>V. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám năm 1945.</p> <p>1. Nguyên nhân thắng lợi.</p> <p>2. Ý nghĩa lịch sử.</p> <p>3. Bài học kinh nghiệm:</p>			
22	<p>Bài 17. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU NGÀY 2.9.1945 ĐẾN TRƯỚC 19.12.1946</p> <p>I. Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945.</p>	2	25 26	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những thuận lợi cơ bản cũng như khó khăn to lớn của nước ta trong năm đầu sau CM Tháng Tám. - Trình bày được chủ trương, biện pháp của Chính phủ nước VNDCCH, đứng đầu là CT Hồ Chí Minh, để phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, thực hiện những chủ trương và biện pháp xây dựng củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết khó khăn về kinh tế, tài chính, văn hóa giáo dục, chủ trương sách lược đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng.

	<p>II. Bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.</p>			
23	<p>Bài 17. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU NGÀY 2.9.1945 ĐẾN 19.12.1946</p> <p>III. Đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng.</p> <p>1. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ.</p> <p>2. Đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc.</p>			<p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực tự chủ tự học, giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp và hợp tác... - Bồi dưỡng lòng Y/N, tinh thần CM, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tinh thần trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng bảo vệ đất nước hiện nay.

	3. Hòa hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta.			
24	<p>Bài 18. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950)</p> <p>I. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ.</p> <p>1. Thực dân Pháp bội ước và tiến công nước ta.</p> <p>2. Đường lối kháng chiến chống pháp của Đảng.</p> <p>II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị và việc chuẩn bị cho cuộc</p>	3	27 28 29	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được hoàn cảnh lịch sử dẫn đến cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ. - Trình bày và phân tích nội dung đường lối kháng chiến chống pháp của Đảng. - Tái hiện cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 qua lược đồ. - Phân tích ý nghĩa của cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16. - Sưu tầm tranh ảnh tư liệu lịch sử để tìm hiểu chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu đông 1950. - Phân tích nghệ thuật quân sự của Đảng ta trong chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu đông 1950 - So sánh điểm giống và khác giữa chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu đông 1950. - Phân tích ý nghĩa của chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu đông 1950 <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực tự chủ tự học, giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp và hợp tác...

<p>kháng chiến lâu dài. 1. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16.</p>			<p>- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng.</p>
<p>Bài 18. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950) III. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 và việc đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện. 1. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947</p>			
<p>Bài 18. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA</p>			

25	<p>CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950)</p> <p>IV. Hoàn cảnh lịch sử mới và chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.</p> <p>1. Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến.</p> <p>2. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.</p>			
26	<p>Bài 19. BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951- 1953)</p> <p>I. Thực dân Pháp đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.</p>	1	30	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Suu tầm tranh ảnh tư liệu lịch sử để tìm hiểu vì sao Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương; nét chính của kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi. - Trình bày và phân tích nội dung và ý nghĩa Lịch Sử của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng. - Trình bày thành tựu chính trong công tác xây dựng hậu phương từ sau chiến thắng Biên giới thu - đông năm 1950 (kinh tế, chính trị, văn hóa). <p>2.Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. <p>3. Phẩm chất:</p>

	<p>1. Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh.</p> <p>2. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinh.</p> <p>II. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2.1951)</p> <p>III. Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt.</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ. - Học tập tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí của anh Bộ Đội Cụ Hồ. - Biết ơn, trân trọng sự ủng hộ quý báu của bạn bè quốc tế đối với nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp. - Có thái độ căm thù thực dân Pháp và can thiệp Mĩ xâm lược nước ta.
27	<p>Bài 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)</p> <p>I. Âm mưu của Pháp – Mĩ ở Đông Dương: Kế hoạch Nava</p> <p>1. Hoàn cảnh.</p> <p>2. Nội dung: gồm 2 bước</p> <p>II. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 – 1954</p>	3	31 32 33	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được âm mưu của Pháp - Mĩ và nội dung của kế hoạch Nava . - Trình bày được nét chính về diễn biến và biết phân tích tác dụng cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 đối với cuộc kháng chiến. - Tái hiện chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ qua lược đồ. - Lý giải được tại sao quân ta lại quyết tâm hạ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ; ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch này. - Nêu được nét chính về quá trình đấu tranh trên mặt trận ngoại giao của ta ở Giơ-ne- vơ. Ghi nhớ điểm chính của Hiệp định Giơ-ne-vơ. - Phân tích được mặt tích cực và hạn chế của Hiệp định Giơ-ne-vơ - Trình bày và phân tích được ý nghĩa lịch sử nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954). <p>2.Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. <p>3. Phẩm chất:</p>

	<p>và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.</p> <p>1. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 - 1954</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Khắc sâu lòng căm thù Thực dân Pháp bọn can thiệp Mỹ và bè lũ tay sai. - Khắc sâu niềm tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đối với sự nghiệp kháng chiến, bảo vệ Tổ Quốc. - Bồi dưỡng lòng quý trọng và tự hào với những chiến thắng to lớn về các mặt của cuộc kháng chiến chống Pháp.
28	<p>Bài 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)</p> <p>2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)</p> <p>III. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.</p>			
29	<p>Bài 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC</p>			

	<p>DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)</p> <p>2. Hiệp định Giơnevơ.</p> <p>IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)</p> <p>1. Nguyên nhân thắng lợi</p> <p>2. Ý nghĩa lịch sử</p>			
30	Ôn tập cuối kì 1	1	34	Ôn tập kiến thức đã học từ bài 1- 20.
31	Kiểm tra cuối kì 1	1	35	Nắm được kiến thức đã học từ bài 1- 20.

32	<p>Chương IV. VIỆT NAM TỪ 1954 – 1975</p> <p>BÀI 21. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)</p> <p>I. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương</p> <p>1. Tình hình.</p> <p>2. Nhiệm vụ:</p> <p>III. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 – 1959)</p>	2	36 37	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Suu tầm tư liệu và tranh ảnh lịch sử để biết được tình hình nước ta sau hiệp định Giơnevơ, nguyên nhân của việc nước ta bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. - Phân tích được nhiệm vụ của cách mạng hai miền Bắc, Nam sau Hiệp định - Trình bày được hoàn cảnh lịch sử, kết quả và ý nghĩa của phong trào : “Đông khởi”. - Phân tích được nội dung và ý nghĩa của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng. - Phân tích được âm mưu và thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt. - Trình bày, phân tích rút ra được ý nghĩa những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống lại chiến lược “Chiến tranh đăc. Biệt”. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực tự chủ tự học, giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng cho học sinh lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, chính phủ, tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tình yêu quê hương, tình cảm ruột thịt Bắc – Nam....
----	--	---	----------	--

33	<p>2. Phong trào “Đồng khởi” (1959-1960)</p> <p>IV. Miền bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH (1961 - 1965)</p> <p>1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9.1960)</p> <p>V. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1961-1965).</p> <p>1. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam.</p> <p>2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.</p>			
----	---	--	--	--

	<p>IV. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9.1960)</p> <p>V. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1961-1965).</p> <p>1. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam.</p> <p>2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.</p>			

34	<p>Bài 22. NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965 - 1973).</p> <p>I. Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở Miền Nam (1965 – 1968).</p> <p>1. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam</p> <p>2. Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.</p> <p>3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy</p>	3	38 39 40	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được âm mưu và thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong chiến lược Chiến tranh cục bộ và Việt Nam hóa. - So sánh điểm giống và khác nhau giữa " Việt hóa chiến tranh ", "chiến tranh cục bộ", “ Chiến tranh đặc biệt” -Trình bày được những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống lại chiến lược Chiến tranh xâm lược của Mỹ từ 1961-1973. - Nêu được ý nghĩa cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. -Trình bày được kết quả, ý nghĩa trận ĐBP trên không. - Phân tích được vai trò của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. - Trình bày được nội dung và ý nghĩa của hiệp định Pari. - So sánh được điểm giống và khác giữa hiệp định Pa ri 1973 với hiệp định Giơ-ne-vơ 1954. <p>2.Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kĩ năng quan sát, nhận xét các tranh, ảnh trong SGK, qua đó nhận thức lịch sử. - Phát triển năng lực tự chủ tự học, giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề. <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng cho học sinh lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, chính phủ, tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tình yêu quê hương, tình cảm ruột thịt Bắc –Nam....
----	---	---	----------------	---

	Xuân Mậu Thân 1968.			
35	III. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ (1969 - 1973) 1. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ. 2. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông			

36	<p>Dương hóa chiến tranh” của Mỹ.</p> <p>3. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.</p> <p>IV. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và làm nghĩa vụ hậu phương (1969 – 1973).</p> <p>2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương.</p> <p>V. Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.</p> <p>2. Nội dung.</p> <p>3. Ý nghĩa</p>			
----	---	--	--	--

37	<p>Bài 23. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 - 1975)</p> <p>II. Miền Nam đấu tranh chống "bình định - lấn chiếm", tạo thế và lực, tiến tới giải phóng hoàn toàn.</p> <p>III. Giải phóng hoàn toàn MN, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.</p> <p>1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam.</p> <p>2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.</p> <p>a. Chiến dịch Tây Nguyên (từ 4.3 đến 24.3. 1975)</p>	2	41 42	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thắng lợi tiêu biểu của nhân dân miền Nam trong cuộc Nam đấu tranh chống "bình định - lấn chiếm", nổi bật là chiến thắng Phước Long. - Trình bày được nội dung của kế hoạch giải phóng miền Nam. Tóm tắt được những diễn biến chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. - Phân tích được những điều kiện lịch sử và thời cơ mới để Đảng ta đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam. Ý nghĩa của chiến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. - Nêu và phân tích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975). - Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh, nhận định, liên hệ thực tế, kỹ năng sử dụng SGK, sử dụng lược đồ, ... trong học tập lịch sử <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực tự chủ tự học, giao tiếp và hợp tác giải quyết vấn đề.... <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng thế hệ trẻ lòng yêu nước, tự hào về những thắng lợi oanh liệt của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. - Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, ý thức, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của thế hệ trẻ trong thời đại hiện nay.
38				

	b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ ngày 21.3 đến ngày 29.3.1975)			
39	Bài 23. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 - 1975) c. Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26.4 đến ngày 30.4.1975) IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975). 1. Nguyên nhân thắng lợi. 2. Ý nghĩa lịch sử.			
40	Ôn tập giữa kì 2	1	43	Ôn tập kiến thức đã học từ bài 21- 23.

41	Kiểm tra giữa kì 2	1	44	Nắm được nội dung kiến thức từ bài 21- 23.
42	<p>Chương V VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000 Bài 24. VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC NĂM 1975</p> <p>I. Tình hình hai miền Bắc - Nam sau năm 1975. 1. Thuận lợi: 2. Khó khăn: III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 - 1976).</p>	1	45	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được những tình hình thuận lợi và khó khăn của cách mạng nước ta sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. - Nêu được nhiệm vụ cấp thiết của nước ta sau 1975 - Nhận thức được tầm quan trọng của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. - Trình bày được những điểm cơ bản về quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. <p>2.Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng HS lòng yêu nước, tình cảm Bắc - Nam ruột thịt, tinh thần độc lập thống nhất Tổ quốc, tin tưởng vào tiền đồ cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

43	<p>Bài 26. ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 – 2000)</p> <p>I. Đường lối đổi mới của Đảng.</p> <p>1. Hoàn cảnh lịch sử mới.</p> <p>2. Đường lối đổi mới của Đảng.</p> <p>II. Quá trình thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000)</p> <p>1. Thực hiện kế hoạch 5 năm 1986 – 1990.</p>	1	46	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được hoàn cảnh lịch sử thế giới và trong nước trước khi Đảng tiến hành công cuộc đổi mới. - Trình bày được nội dung của đường lối đổi mới với thành tựu đạt được và những khó khăn, yếu kém cần tiếp tục được khắc phục, sửa chữa. - Nhận thức đúng đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn. - Phát triển năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng tinh thần đổi mới trong lao động, công tác, học tập, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào đường lối đổi mới đất nước.
44	<p>Bài 27. TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000</p> <p>I. Các thời kì phát triển của lịch sử dân tộc.</p>	1	47	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh củng cố hệ thống kiến thức lịch sử dân tộc từ 1919-2000: Các giai đoạn chính, nội dung chính của mỗi giai đoạn lịch sử. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... <p>3. Phẩm chất:</p>

	<p>1. Thời kì 1919 - 1930.</p> <p>2. Thời kì 1930 - 1945.</p> <p>3. Thời kì 1945 - 1954.</p> <p>4. Thời kì 1954 - 1975.</p> <p>5. Thời kì 1975 - 2000.</p> <p>II. Nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm</p> <p>1. Nguyên nhân thắng lợi.</p> <p>2. Bài học kinh nghiệm.</p>			<p>-Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, yêu CNXH, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, ý thức và trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN</p>
45	Ôn tập cuối kì 2	2	48 49	<p>1. Kiến thức:</p> <p>- Ôn tập củng cố kiến thức theo ma trận của Sở.</p> <p>2.Năng lực:</p> <p>- Hình thành năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo, giao tiếp, khả năng hệ thống hóa kiến thức, trình bày, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề liên quan.</p> <p>3. Phẩm chất:</p> <p>-Bồi dưỡng phẩm chất: tự giác, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm..</p>
46	Lịch sử địa phương	2	50	Lịch sử Đảng bộ huyện Quế Sơn

			51	
47	Kiểm tra cuối kì 2	1	52	Nắm được nội dung kiến thức từ bài 21-26

2.2. Chủ đề (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chủ đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Chủ đề: Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản (1945-2000).	3	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những nét chính về tình hình kinh tế - KH-KT, chính sách đối ngoại của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000). - Những nguyên nhân thúc đẩy kinh tế Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản phát triển. - Sự ra đời, quá trình phát triển của liên minh Châu Âu. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực quan sát, giao tiếp, hợp tác, thảo luận nhóm, tự giải quyết vấn đề <p>3. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trân trọng những thành tựu kinh tế, KH-KT mà Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu đạt được.; niềm tự hào dân tộc về cuộc kháng chiến kéo dài 21 năm của nhân dân ta trước một đế quốc hùng mạnh như Mỹ. - Thấu hiểu những ảnh hưởng trong cuộc chiến tranh Việt Nam đối với nước Mỹ, và ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc bỏ qua khác biệt vượt qua bất đồng, tăng cường giao lưu hợp tác kinh tế văn hóa, giáo dục với Mỹ cũng như Nhật Bản và Tây Âu để phát triển đất nước trong g/đ hiện nay

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 8	1. Năng lực: - Củng cố nội dung kiến thức đã học và Trả lời được các câu hỏi, bài tập từ bài 1 đến bài 10 mà các em đã được học. - Hình thành năng lực tư duy, phân tích, so sánh, tổng hợp khái quát hóa nội dung để vận dụng giải bài tập TNKQ. 2. Phẩm chất: - Hình thành ý thức độc lập tự tìm hiểu, khai thác vấn đề, áp dụng cho việc làm bài tập	TNKQ
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	1. Năng lực - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ - Kỹ năng phân tích đề. Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn	TNKQ

			<p>2. Phẩm chất Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch sử, đồng thời có thái độ nghiêm túc trong học tập</p>	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	<p>1. Năng lực - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ. - Kỹ năng phân tích đề. Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn</p> <p>2. Phẩm chất Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch sử, đồng thời có thái độ nghiêm túc trong học tập</p>	TNKQ
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 34	<p>1. Năng lực - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ. - Kỹ năng phân tích đề. Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn</p> <p>2. Phẩm chất</p>	TNKQ

			Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch sử, đồng thời có thái độ nghiêm túc trong học tập	
--	--	--	---	--

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

3. Các nội dung khác:

- Bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 12 môn Lịch sử và Địa lý. (có kế hoạch riêng)

- Tổ chức ngoại khoá cho học sinh cả 3 khối với hình thức rung chuông vàng tìm hiểu kiến thức lịch sử, địa lý, Kinh tế và pháp luật (dự kiến trong tháng 3, có kế hoạch riêng).

-Tham gia các hoạt động chuyên môn theo kế hoạch nhà trường.

II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Năm học 2023 - 2024)

1. Khối lớp: 10,11,12; Số học sinh: 842

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Ngoại khoá tìm hiểu kiến thức Lịch sử, Địa lý, kinh tế & pháp luật.	+Đối với giáo viên: tham gia đủ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công +Học sinh thành lập các đội tham gia thi đủ, đúng quy định ban tổ chức. +Học sinh toàn trường tham gia đầy đủ.	04	Trung tuần tháng 3 năm 2024	Sân trường THPT Quế Sơn	Tổ lịch sử - Địa lý – KT & PL	Đoàn thanh niên một nhân viên tổ	Âm thanh , màn hình chiếu, trang

		+Tạo cho học sinh không khí vui tươi, hào hứng trong việc tìm hiểu, đam mê kiến thức lịch sử, Địa lý, Kinh tế và pháp luật					văn phong được nhà trường phân công	trí, ghế bàn BGK
2								
...								

- (1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.
- (2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.
- (3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.
- (4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).
- (5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).
- (6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.
- (7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.
- (8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)
Đã duyệt



Phạm Minh Tùng

Quế Sơn, ngày 4 tháng 9 năm 2023
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)
Đã duyệt

Nguyễn Thị Hội

